

GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC SƯ PHẠM VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐỔI MỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

○ PGS.TS. PHẠM HỒNG QUANG*

1. Đổi mới chương trình (CT) giáo dục sư phạm (GDSP)

1.1. *Giải quyết tốt mối quan hệ giữa khối kiến thức chung và khối kiến thức khoa học giáo dục*, nhằm mục tiêu kiến tạo các kiến thức khoa học tâm lí - giáo dục (dưới dạng các module hoặc tín chỉ) làm nền tảng cơ bản, vững chắc cho khối kiến thức phương pháp và thực hành giáo dục; các kiến thức phương pháp và thực hành giáo dục là sự cụ thể hóa khối kiến thức giáo dục, là yếu tố cơ bản hình thành các năng lực người giáo viên (GV). Nội dung và cách làm: tăng cường nhận thức đúng đắn về quan hệ giữa khối kiến thức sư phạm (SP) với các khối kiến thức khác; nhấn mạnh chức năng giáo dục của các khoa chuyên ngành và thấm thấu vào toàn bộ CT: Ví dụ, nội dung môn *Toán* nhấn mạnh chức năng giáo dục *Toán học*; nội dung môn *Vật lí* nhấn mạnh chức năng giáo dục *kĩ thuật, công nghệ*; môn *Hoá, Sinh* nhấn mạnh chức năng giáo dục *môi trường, sinh thái*; môn *Ngữ văn* nhấn mạnh chức năng giáo dục *văn hoá, giáo dục ngôn ngữ*... Đồng thời, tổ chức, kết cấu lại các phương án dạy, xây dựng kho dữ liệu, đảm bảo các giáo trình cơ bản được lưu trữ đầy đủ và đưa lên mạng. Giải pháp trên đây cần đạt được các kết quả làm thay đổi quan niệm về vị trí, tầm quan trọng của khoa học giáo dục; tính chất bao trùm và quan hệ mật thiết giữa khối kiến thức giáo dục và kiến thức cơ bản là yêu cầu cơ bản cần đạt được; thay đổi về chức năng ĐT của các khoa tác động mạnh đến quản lí, tổ chức và điều hành các hoạt động với mức độ đậm nét của khoa học SP ngày càng cao; nhân lực thực hiện CT là một tập thể SP gồm các nhà giáo dục với chức năng chính là hướng dẫn hoạt động giáo dục.

1.2. *Xuất phát từ người sử dụng nhân lực để xây dựng và phát triển CT*. Sử dụng kết quả khảo sát từ người sử dụng nhân lực GV (ở đây là

các Sở GD-ĐT, các trường phổ thông) như là một thành tố bắt buộc đối với việc thiết kế, phát triển và đánh giá CT. Chất lượng tuyển GV phụ thuộc vào nhiều yếu tố, do vậy người tuyển dụng đánh giá chất lượng người tốt nghiệp dựa vào tiêu chí kết quả học tập (thông qua bằng cấp là chủ yếu) ở giai đoạn đầu; dựa vào năng lực thực tế của GV ở giai đoạn sau (thông thường từ 3-5 năm). Chuẩn đầu ra chính là tuyên bố sứ mạng của CT, là cầu nối giữa tính khoa học và tính khả thi của bất cứ CT giáo dục nào. Tỷ lệ GV của cơ sở ĐT này được tuyển dụng so với các cơ sở ĐTGV khác phụ thuộc vào uy tín của cơ sở ĐT (có thể theo dư luận đánh giá chung của xã hội) nhưng đánh giá chính thức của người sử dụng thì cần dựa vào chuẩn. Các vấn đề sau đây cần được phân hồi từ phía người sử dụng nhân lực: 1) *Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp GV*. Tiêu chuẩn này đã được xác định tương đối rõ nét trong «*chuẩn GV trung học*» do Bộ GD-ĐT ban hành. Nhìn chung là các chỉ số định tính phản ánh ở kết quả hoạt động từ 4-5 năm học tại trường SP không có vi phạm khuyết điểm gì lớn ảnh hưởng đến uy tín nghề nghiệp. Tuy nhiên, đây là kết quả được xác định trong môi trường học nghề, còn sự diễn biến các chuẩn trong hoạt động thực tiễn nghề nghiệp là do các Sở GD-ĐT, trường phổ thông đánh giá; 2) *Năng lực chuyên môn*. Nhóm tiêu chuẩn này tập trung vào các lĩnh vực hoạt động cơ bản của người GV: dạy học, giáo dục, quản lí, năng lực đánh giá HS, năng lực làm việc nhóm, năng lực hoạt động xã hội, năng lực giao tiếp cộng đồng, năng lực thuyết phục HS; 3) *Các kiến nghị của người sử dụng nhân lực*: Đối với GV hiện tại, cần bồi dưỡng những năng lực cơ bản cụ thể để đáp ứng yêu cầu chuyên môn; trong tương lai cần quan tâm đến vấn đề và xu hướng chung của yêu cầu năng lực người GV. Kiến nghị trực tiếp với trường ĐHSP chủ yếu về PPDH,

* Trường Đại học sư phạm - Đại học Thái Nguyên

phương pháp đánh giá và đặc biệt là năng lực phát triển CT đối với GV trung học phổ thông được xem là cốt lõi. Kiến nghị gián tiếp thông qua các hội nghị, hội thảo, chuyên đề... Kiến nghị khung chính sách cho địa phương và Bộ (liên quan đến CT ĐTGV). Phối hợp với các cơ sở ĐT nghiên cứu các vấn đề phản hồi cần phải đối chiếu với chuẩn ĐH gồm 3 tiêu chí cơ bản tính SP, giáo dục, hiện đại... để tránh xu hướng hạ thấp yêu cầu hoặc yêu cầu vượt quá năng lực hiện có của trường; Kiến nghị với địa phương (sở/ngành nội vụ và liên quan) về tiêu chuẩn tuyển GV theo năng lực thực tế (thi tuyển có sự phối hợp với trường ĐHSP); Kiến nghị với Bộ để điều chỉnh CT (tăng quyền tự chủ của trường ĐH), sửa đổi quy chế... Tổ chức hội nghị, hội thảo quản lí giữa ĐHSP với trường phổ thông và Sở GD-ĐT... theo chu kì 2 năm với phổ thông hoặc 4 năm giữa trường SP với Sở GD-ĐT. Tổ chức hội nghị chuyên đề sâu gồm: - Các chuyên đề có tính chất dẫn đường, phát triển giáo dục, gồm: các lí thuyết tâm lí - giáo dục mới, yêu cầu chuẩn năng lực GV, CT, đánh giá, các vấn đề liên quan đến chất lượng giáo dục...; - Chuyên đề có tính chất đáp ứng nhu cầu cụ thể, gồm: kĩ năng soạn giáo án, tổ chức các hoạt động giáo dục, quản lí giáo dục, nghiên cứu ý kiến - CT dạy học; theo nhu cầu GV THPT... *Sử dụng kết quả phản hồi ở cả 3 cấp độ*: + Cấp độ CT khung gồm ý kiến của cấp quản lí Sở GD-ĐT, các Sở liên quan và hiệu trưởng các trường phổ thông; + Cấp độ CT chi tiết gồm ý kiến của cấp quản lí trường phổ thông, bộ môn và GV giỏi; + Cấp độ bài giảng (của GV phổ thông) gồm ý kiến của đồng nghiệp, của HS phổ thông. Việc xử lí những kết quả này là kênh thông tin quan trọng đối với quá trình hoàn thiện CT chi tiết.

1.3. Thiết lập quy trình xây dựng và phát triển CT GDSP mới. Cần xác định các bước cụ thể: - Khung CT; - CT chi tiết; - CT môn học. *Bước 1: Xác định khung CT* gồm 4 bộ phận liên quan chặt chẽ với nhau, đó là: 1) Mục tiêu giáo dục; 2) Tóm tắt về CT ĐT gồm: thời gian, tín chỉ và cấu trúc về mặt phân bổ tín chỉ của các học phần kiến thức giáo dục đại cương và kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và các học phần trong các khối đó; 3) Các quy định bắt buộc của CT gồm một danh mục các học phần bắt buộc với số tín chỉ mô tả về nội dung và mục đích của mỗi học phần; 4) Hướng dẫn về cách thức thực hiện CT. Nội

dung của phần này chỉ rõ cách thức đạt được mục tiêu và nội dung của 3 phần trước đó. *Bước 2: Chuyển đổi từ khung CT sang một CT học tập.* *Bước 3: Trang bị tri thức về khoa học CT cho các đối tượng.* Đối với sinh viên SP, đưa vào CT các nội dung cơ bản của khoa học CT và phát triển CT [1].

2. Các định hướng cơ bản đối với CT GDPT

Định hướng 1: Xác định lại mục tiêu, triết lí và chức năng môn học của GDPT. Chú ý quan điểm: «Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, coi trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống cho HS, SV, mở rộng quy mô giáo dục hợp lí. Nội dung này cần coi trọng cả 3 mặt giáo dục: dạy làm người, dạy chữ, dạy nghề» (nhiệm vụ 1); «Tiếp tục đổi mới CT, tạo chuyển biến mạnh mẽ về phương pháp giáo dục. Cụ thể, rà soát lại toàn bộ CT và SGK phổ thông, sớm khắc phục tình trạng quá tải, nặng về lí thuyết, nhẹ về thực hành, chưa khuyến khích đúng mức tính sáng tạo của người học» (nhiệm vụ 4) [2]. Dựa vào kinh nghiệm của nước ngoài (ví dụ Australia), có thể xác định cụ thể hơn về mục tiêu GDPT của Việt Nam giai đoạn tới: *Giáo dục nhà trường cần phát triển tối đa tài năng và năng lực cho tất cả HS.* Nhấn mạnh mục tiêu «kép» của GDPT nước ta: 1) Chuẩn bị cho phần lớn các em có đủ điều kiện tham gia vào đời sống xã hội một cách chắc chắn; 2) Chuẩn bị cho số ít tham gia giáo dục sau phổ thông - mục tiêu cụ thể: + Có năng lực và kĩ năng phân tích và giải quyết vấn đề và có khả năng trao đổi ý tưởng và thông tin, lập kế hoạch hành động, tổ chức và phối hợp với người khác; + Có phẩm chất tự tin, lạc quan kính trọng và cam kết học hỏi như là một cơ sở đối với những vai trò trong cuộc sống tiềm ẩn của mình trong gia đình, cộng đồng xã hội; + Có khả năng nhìn nhận đánh giá và có trách nhiệm trong các vấn đề tinh thần, đạo đức, tôn trọng và tuân thủ luật pháp, có khả năng tư duy về thế giới của mình, ngẫm nghĩ nguyên do của sự vật hiện tượng, đưa ra quyết định đúng đắn, hiểu biết và có lí trí đối với cuộc sống của mình, đồng thời phải chịu trách nhiệm đối với bất cứ hành động nào mình thực hiện; + Là những công dân tích cực và hiểu biết với mức độ hiểu biết và tôn trọng hệ thống chính phủ cũng như cuộc sống công dân ở Việt Nam; có kĩ năng làm việc và hiểu biết về môi trường làm việc, các phương án lựa chọn đối với nghề nghiệp của mình và có phương hướng rõ ràng cùng thái độ tích cực đối với việc ĐT nghề, giáo

dục chuyên sâu, học tập lâu dài; + Là những người tự tin, sáng tạo và hữu ích trước những công nghệ mới, đặc biệt là công nghệ truyền thông và thông tin, hiểu rõ sự tác động của công nghệ đối với xã hội; + Có sự hiểu biết và quan tâm về việc bảo vệ và quản lí môi trường tự nhiên, có kiến thức và kĩ năng trong việc hỗ trợ phát triển bền vững hệ sinh thái; + Có kiến thức và kĩ năng, thái độ cần thiết để thiết lập và duy trì một lối sống lành mạnh và để sử dụng một cách sáng tạo và thoả mãn thời gian tiêu khiển. Như vậy, có thể thấy mục tiêu cụ thể đã tập trung vào hình thành ở HS các chỉ số quan trọng: *năng lực sáng tạo, trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm xã hội và các vấn đề toàn cầu*. Các chuyên gia Australia đã xác định có 7 năng lực then chốt (Key-Competence) có ý nghĩa định hướng cho xây dựng và phát triển CT GDPT: 1) Năng lực thu thập, phân tích và tổ chức thông tin; 2) Năng lực truyền bá những tư tưởng thông tin; 3) Năng lực kế hoạch hóa và tổ chức các hoạt động; 4) Năng lực làm việc với người khác và đồng đội; 5) Năng lực sử dụng những ý tưởng và kĩ thuật toán học; 6) Năng lực giải quyết vấn đề; 7) Năng lực sử dụng công nghệ. Có thể thấy, những yếu tố của mục tiêu rất cụ thể và rõ ràng, những yếu tố này đã được các GV cụ thể hoá trong bài dạy. Về lĩnh vực môn học: Ví dụ, về kết cấu CT: CT giảng dạy *toàn diện và cân bằng* trong những năm giáo dục bắt buộc gồm 8 lĩnh vực: Mĩ thuật, Tiếng Anh, Giáo dục sức khoẻ và thể chất, Các ngôn ngữ khác ngoài tiếng Anh, Toán, Khoa học, Xã hội và Môi trường, Kĩ thuật. Đạt được những kĩ năng tính toán và kĩ năng về ngôn ngữ; Tham gia các CT dạy nghề trong các năm học bắt buộc và tiếp cận được với CT ĐT nghề là một phần cho việc học ở cấp cao hơn sau này; Tham gia vào các CT và hoạt động mang tính thúc đẩy và khích lệ kĩ năng kinh doanh, gồm kĩ năng cho phép các em phát huy tối đa khả năng linh hoạt và hoà hợp trong tương lai. Về đánh giá, tập trung vào các lĩnh vực: kiến thức, khả năng tư duy, kĩ năng, thái độ. (Riêng mục tiêu thái độ không đánh giá được cụ thể mà thông qua các hoạt động). Dựa vào kinh nghiệm của Phần Lan, mọi hoạt động giáo dục tập trung vào mục tiêu: Đạt đến *sự đồng đều về trình độ của HS*; đảm bảo cơ hội bình đẳng cho tất cả mọi người về giáo dục cơ bản không kể địa vị xã hội, khả năng kinh tế, giới tính, thành phần dân tộc. Giáo dục cơ bản kéo dài 9 năm, miễn phí

cho trẻ em từ 7-16 tuổi [3]; Có thể thấy sự thay đổi quan trọng là: - CT cân bằng và toàn diện; - CT mở, thiết thực; - CT vì sự đồng đều của tất cả HS. Mục tiêu GDPT được xác định trọng tâm là hướng cho các em có khả năng tham gia một cách tốt nhất vào đời sống xã hội. Do đó, kiến thức trong CT cần được bổ sung những nội dung thực tế, các kĩ năng lao động và kĩ năng sống. Khung môn học ở phổ thông được triển khai theo mô hình: xác định mục tiêu cụ thể và rõ ràng đến mức có thể «đo đếm» được; xác định lĩnh vực (cụ thể) với từng môn học; hướng dẫn GV phổ thông lựa chọn nội dung; gợi ý các phương án dạy học; tiêu chí đánh giá cụ thể. Ví dụ, lĩnh vực *Giáo dục ngữ văn* (tích hợp giáo dục văn hóa, ngôn ngữ). *Bước 1*: Xác định các mục tiêu (dưới dạng chuẩn đầu ra) xuất phát từ mục tiêu của ngành học, cấp học để xác định mục tiêu cụ thể của môn học gồm kiến thức, kĩ năng và thái độ. *Bước 2*: Xác định các lĩnh vực giảng dạy chính gồm thơ, kịch, truyện ngắn và tiểu thuyết... với việc xác định các mục tiêu cần đạt được. Tất cả các lĩnh vực dựa trên nền tảng chuẩn mực ngôn ngữ cần khai thác và các giá trị văn hóa cần khai thác. *Bước 3*: Sự lựa chọn của GV về học liệu, nghiên cứu bước 1, bước 2 và thảo luận nhóm, thảo luận bộ môn, tìm kiếm dữ liệu trong nguồn học liệu và mạng Internet... Ví dụ, cần quan tâm đến thông số: Tên bài thơ, tên truyện ngắn, tên vở kịch, tên tiểu thuyết...; xác định độ dài (thời gian, các tiêu chí lịch sử, các điều kiện văn hóa...); các tiêu chí SP của việc lựa chọn; các chuẩn mực về ngôn ngữ và văn hóa; các mức độ phù hợp với mục tiêu; các nhận định giáo dục (ý đồ SP ban đầu của GV khi lựa chọn...); Xác định nội dung cơ bản cần giảng dạy đồng thời với các phương án dạy; phương thức đánh giá người học. *Bước 4*: Tổ chức giảng dạy và kiến tạo các tình huống giáo dục. *Điều kiện cơ bản của giải pháp này*: - GV được «giải phóng» khỏi một khung CT cứng từ SGK hoặc sách hướng dẫn, sách đánh giá; - Nguồn học liệu phong phú; - Quyền «tự quyết» của GV đối với việc xác nhận kết quả học tập của HS; - Cơ quan quản lí CT (thường là cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục) cấp quận/huyện có TEST đánh giá chuẩn năng lực về trình độ người học dựa trên các tiêu chí đã xác định ở mục tiêu môn học (Ví dụ ở Australia, có cơ quan cấp quận xây dựng TEST chuẩn cho lớp 5, 7, 9 để làm công cụ xác định năng lực từng trình độ, không

cần phụ thuộc vào kết quả báo cáo của các cơ sở giáo dục).

Định hướng 2: Kiến tạo CT GDPT theo hướng tích hợp và lồng ghép. Một CT được xây dựng theo hướng tích hợp gồm có 4 thành phần chủ yếu sau đây: 1) Những đích cuối cùng; 2) Những mục tiêu và năng lực cần phát triển ở người học; 3) Các phương pháp SP; 4) Các cách thức đánh giá. Một CT đầy đủ là một sự bố trí lực lượng rộng rãi trong đó có rất nhiều người tham gia hành động: GV, phụ huynh, nhà quản lí, thanh tra, những người có thẩm quyền... Muốn cho một CT đầy đủ được chấp nhận, nó cần được soạn thảo thông qua bàn luận với một số lớn những người tham gia hành động [4]. Vấn đề được các nhà SP quan tâm là: cần phải ưu tiên những tri thức nào ở nhà trường? Xuất phát từ vấn đề sự cần thiết phải vượt lên cách nhìn bộ môn, D'Hainaut (1977) cho rằng có 4 quan điểm khác nhau đối với môn học: - Quan điểm «trong nội bộ môn học» trong đó chúng ta ưu tiên các nội dung của môn học, quan điểm này nhằm duy trì các môn học riêng lẻ; - Quan điểm «đa môn» trong đó chúng ta đề nghị những tình huống, đề tài có thể được nghiên cứu theo những quan điểm khác nhau, những môn học gặp nhau ở một số thời điểm trong quá trình nghiên cứu đề tài; như vậy các môn học chưa thực sự tích hợp; - Quan điểm «liên môn» trong đó chúng ta đề xuất những tình huống chỉ có thể tiếp cận qua sự soi sáng của nhiều môn học; sự liên kết môn học làm cho chúng liên kết với nhau để giải quyết một tình huống cho trước; - Quan điểm «xuyên môn» trong đó chủ yếu phát triển những kĩ năng mà HS có thể sử dụng trong tất cả các môn học trong các tình huống, những kĩ năng này được gọi là những kĩ năng xuyên môn. Như vậy, từ nhu cầu xã hội đòi hỏi chúng ta phải hướng tới quan điểm liên môn trong đó chúng ta phối hợp sự đóng góp của nhiều môn học để nghiên cứu và giải quyết một tình huống; quan điểm xuyên môn trong đó chúng ta tìm cách phát triển ở HS những kĩ năng xuyên môn, nghiên cứu những kĩ năng có thể áp dụng ở mọi nơi. Định hướng lồng ghép và tích hợp vào CT môn học là xu thế tất yếu; tác dụng và ý nghĩa của nó thể hiện rõ ở mục tiêu giáo dục, ở nội dung và phương pháp giáo dục, do đó định hướng này tác động trở lại cách thức ĐTGV.

Ngoài 2 định hướng trên, có thể triển khai theo 2 định hướng sau đây: 1) **Sử dụng có hiệu**

quả tri thức địa phương và kinh nghiệm của HS; 2) Thay đổi nhận thức xã hội về GDPT và giáo dục nghề nghiệp - việc làm cho thanh niên. Đây là điều kiện cơ bản để có thể triển khai thực hiện 2 giải pháp trên. Sự thay đổi của xã hội về nhận thức đối với GDPT phải được «chuyển đổi» căn bản. Đây thực sự là cuộc cách mạng trong nhận thức xã hội, là quá trình và sự thay đổi mang đậm tính chất văn hóa hơn là sự thay đổi trong thời gian ngắn. Nhận thức của xã hội (cụ thể là HS và gia đình HS) cho rằng: việc có được học vấn GDPT sẽ tạo nên tảng để con người trưởng thành hơn là mục tiêu vào được trường ĐH; học vấn phổ thông phải được xã hội chấp nhận cùng với năng lực nghề nghiệp được hình thành và nhờ đó con người có việc làm, nguy cơ thất nghiệp sẽ đến nếu không tiếp tục tham gia giáo dục sau phổ thông. Kết quả có thể làm giảm áp lực từ phía xã hội đối với các trường ĐH và cao đẳng; biên soạn các CT giáo dục thích nghi với nhu cầu xã hội; hoàn thiện các chính sách quản lí trong các hệ thống xã hội về GDPT. □

[1] Phạm Hồng Quang. “Định hướng phát triển chương trình giáo dục cử nhân Tâm lí - Giáo dục của Trường ĐHSP - ĐH Thái Nguyên. *Tạp chí Giáo dục*, số 4/2007; “Đào tạo giáo viên theo định hướng năng lực”. *Tạp chí Giáo dục*, số 6/2009.

[2] *Kết luận 242/NQ của Bộ Chính trị ngày 15/4/2009* đã xác định 7 nhiệm vụ, giải pháp phát triển giáo dục đến năm 2020.

[3] *Những bí quyết thành công của giáo dục Phần Lan*, tổng hợp theo BBC New - Bản tin giáo dục, 10/2009 - Gia Hân (tổng hợp) và *Phần Lan, bí quyết đằng sau một kì tích giáo dục*. Báo *Giáo dục và Thời đại*, số đặc biệt tháng 1/2010.

[4] Xavier Roegiers. **Khoa sư phạm tích hợp hay làm thế nào để phát triển các năng lực ở nhà trường** (Đào Trọng Quang, Nguyễn Ngọc Nhị dịch). NXB *Giáo dục*, H 1996, tr.122-123.

THÔNG BÁO

Năm 2011, **TẠP CHÍ GIÁO DỤC** tiếp tục ra 1 tháng 2 kì. Giá bán: 13.200đ/cuốn.

Kính đề nghị các đơn vị giáo dục (sở, phòng, trường) liên hệ đặt mua **TẠP CHÍ GIÁO DỤC** (mã số tạp chí C192) tại các bưu cục địa phương hoặc đặt mua trực tiếp tại tòa soạn, theo địa chỉ: **TẠP CHÍ GIÁO DỤC, 4 Trịnh Hoài Đức, Hà Nội**
ĐT: 04. 37345363; Fax: 04.37345363.

TẠP CHÍ GIÁO DỤC

